

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/DS-ST
Ngày 26-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/7/2025 và ngày 26/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Công ty Cổ phần M (viết tắt là Công ty M); địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Khoa H, bà Huỳnh Thị Kim L, ông Vũ Công H1; Cùng địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, D N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2024). Ông Trần Khoa H có mặt.

2/ Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V1); địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Khoa H, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thu A; Cùng địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, D N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/3/2025). Ông Trần Khoa H có mặt.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1989; thường trú: Số C khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số C khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

2/ Bà Lý Thu T, sinh năm 1988; thường trú: Số C B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Số C khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số C khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Số B đường N, khu phố T, phường Đ, thành D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Vương Thị Lang H2, sinh năm 1963; địa chỉ: Số B đường N, khu phố T, phường Đ, thành D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V1) và Công ty Cổ phần M (viết tắt là Công ty M) trình bày: V1 với ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T đã ký với nhau các hợp đồng cho vay như sau: Hợp đồng cho vay số LN2302228436406 ngày 08/3/2023, số tiền cho vay: 1.878.094.582 đồng. Số tiền nhận nợ là 1.073.196.904 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 08/3/2023. Hợp đồng cho vay số LN2309080200750 ngày 15/9/2023, số tiền cho vay: 350.000.000 đồng. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/10/2021. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T đã thế chấp tài sản là: Tất cả các quyền tài sản thuộc sở hữu của bên thế chấp phát sinh từ H Mua Bán liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng Bất Động Sản số: 519/2022/HĐMB/HT-PEARL thuộc dự án khu C-PEARL giữa Công ty TNHH Đ-PEARL và ông Nguyễn Thế B có thông tin sau: Căn hộ số A10.02; Diện tích sử dụng (thông thủy): 65.06m²; Diện tích sàn xây dựng: 72.48m²; địa chỉ: Dự án HT- N (HT - P) tại khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: LN2302228436406 ký ngày 08/3/2023. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/4/2024 nên toàn bộ các khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 30/9/2024, V1 đồng ý bán và Công ty M (sau đây gọi tắt là Công ty M) đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V1 với ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T, cụ thể:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2302228436406 ngày 08/3/2023; Hợp đồng cho vay số LN2309080200750 ngày 15/09/2023.

- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/10/2021.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M.

Ngày 30/11/2024, V1 tiếp tục đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng ký giữa V1 với ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T. Căn cứ theo hợp đồng mua bán nợ số 08/2024/VPB-MARS ngày 30/9/2024 ký giữa bên bán nợ và bên mua nợ cụ thể:

Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2302228436406 ngày 08/03/2023; hợp đồng cho vay số LN2309080200750 ngày 15/09/2023. Vì vậy, căn cứ theo hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB-MARS ngày 30/11/2024 Công ty M và V1 đề nghị Tòa án xác định yêu cầu thay đổi với tỷ lệ tương ứng Mars (99%); V1 (1%), cụ thể: Tính đến ngày 18/7/2025, ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T còn nợ tại Công ty M và V1 là: Nợ gốc là 1.405.694.904 đồng (Trong đó: Nợ gốc phải trả cho Công ty M là 1.391.637.955 đồng và nợ gốc phải trả cho V1 là 14.056.949 đồng). Nợ lãi và lãi chậm trả là 264.013.530 đồng (Trong đó: Nợ lãi phải trả cho Công ty M là 279.798.110 đồng và nợ lãi phải trả cho V1 là 2.826.244 đồng. Nợ thẻ tín dụng phải trả cho Công ty M là 81.222.999 đồng.

Quá trình xử lý khoản vay, V1 và Công ty M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho VPBank/Công ty Mars tuy nhiên ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T không thực hiện.

Vì vậy, Công ty M và V1 ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T, yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: Buộc ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải thanh toán cho Công ty M và V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2025 là 1.769.542.257 đồng (Trong đó: tiền gốc 1.405.694.904; lãi và lãi chậm trả 282.624.354, nợ thẻ tín dụng 81.222.999 đồng), cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải thanh toán cho Công ty M số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2025 là: 1.752.659.055 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 1.391.637.955 đồng, nợ lãi và L1 chậm trả: 279.798.110 đồng, nợ thẻ tín dụng là 81.222.999 đồng), cụ thể:

- Buộc ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2025 là: 16.883.193 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 14.056.949 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả: 2.826.244 đồng).

Ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải tiếp tục tính lãi theo các thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T không trả nợ đầy đủ cho Công ty M và V1 thì Công ty M và V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty M và/hoặc V1, cụ thể như sau: *“Tất cả các quyền tài sản thuộc sở hữu của Bên Thế Chấp phát sinh từ H Mua Bán liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng Bất Động Sản số: 519/2022/HĐMB/HT-PEARL thuộc dự án khu C-PEARL giữa Công ty TNHH Đ-PEARL và ông Nguyễn Thế B có thông tin sau:*

- + Căn hộ số A10.02
- + Diện tích sử dụng (thông thủy): 65.06 m²
- + Diện tích sàn xây dựng: 72.48 m²
- + Địa chỉ: Dự án HT-N (H4) tại khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương”.

Tại phiên tòa ngày 26/8/2025, nguyên đơn Công ty M và V1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số dự nợ đã hoạch toán và không yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số LV2302228436406 ngày 08/3/2023 mà các bên đã ký kết. Theo đó, Công ty M và V1 xác định yêu cầu ông B, bà T phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là: 393.818.565 đồng (trong đó: Nợ gốc là 13.032.742 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 296.927.194 đồng, nợ thế tín dụng là 83.858.629 đồng), cụ thể:

+ Buộc ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là: 390.718.966 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 12.902.415 đồng, nợ lãi và L1 chậm trả: 293.957.922 đồng, nợ thế tín dụng là 83.858.629 đồng).

+ Buộc ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là: 3.099.599 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 130.327 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 2.969.272 đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 27/8/2025 đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M và V1. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty M và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thế B trình bày: Ông B thống nhất với nội dung khởi kiện của Công ty Cổ phần M (viết tắt là Công ty M) và Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V1) đã trình bày trong đơn khởi kiện về các hợp đồng tín dụng, số tiền đã vay, số tiền đã trả và hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa vợ chồng ông với V1. Vợ chồng ông đã nhận đủ tiền vay nhưng do gặp vấn đề khó khăn về kinh tế nên mới chỉ thanh toán nợ được một thời gian ngắn thì mất khả năng thanh toán vào khoảng đầu năm 2024 cho đến nay. Việc V1

bán số nợ cho Công ty M thì ông không có ý kiến gì vì họ chỉ yêu cầu vợ chồng ông thực hiện các nghĩa vụ phát sinh đối với hợp đồng tín dụng đã ký. Sau khi vợ chồng ông mất khả năng thanh toán thì đã đề nghị với ngân hàng về việc bàn giao tài sản cho ngân hàng P1 để thanh toán nợ nhưng Ngân hàng không thực hiện. Vì vậy, đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Ông B đồng ý trả nợ cho nguyên đơn, trường hợp không trả được nợ thì ông đồng ý phát mại tài sản để thi hành án theo quy định. Quyền lợi của ông và Công ty TNHH Đ-PEARL trong tài sản thế chấp ông không yêu cầu xử lý trong vụ án này. Trường hợp phải phát mại tài sản để thi hành án thì ông đề nghị ông và Công ty TNHH Đ-PEARL được nhận lại giá trị tài sản sau khi trả xong tất cả khoản nợ với V1 và Công ty M.

Tại phiên tòa ngày 26/8/2025, ông B xác định nguyên đơn Công ty M và V1 đã rút một phần yêu cầu khởi kiện trong vụ án. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên ông B không có ý kiến gì. Ông B đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ còn lại cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Lý Thu T thống nhất toàn bộ lời khai của ông Nguyễn Thế B.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ) trình bày: Ngày 22/9/2022, Công ty Đ và ông Nguyễn Thế B ký kết hợp đồng mua bán căn hộ số A10.02, tầng 10 Block A thuộc Dự án Khu C-PEARL tại khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Thời điểm ký hợp đồng ông B đã thanh toán được 30% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền 804.897.678 đồng. Sau khi ký hợp đồng mua bán ông B thế chấp để vay tiền của Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1). Công ty Đ đã phối hợp làm các thủ tục cần thiết để ông B vay tiền và thế chấp tài sản cho V1 theo quy định. Việc đăng ký thế chấp do V1 thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay ông B chỉ thực hiện thanh toán được 70% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền đợt 1 và đợt 2 với số tiền 1.878.094.582 đồng. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán rất lâu nhưng ông B cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, Công ty Đ chưa thực hiện việc bàn giao căn hộ cũng như chưa bàn giao giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông B. Nay Công ty Cổ phần M (viết tắt là Công ty M) và V1 khởi kiện ông B, bà T tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với số tiền mà ông B bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng thì Công ty Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp việc giải quyết vụ án có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Đ liên quan đến hợp đồng mua bán căn hộ đã ký giữa hai bên thì Công ty Đ sẽ tự thỏa thuận với ông B. Nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Trong vụ án này Công ty Đ không có ý kiến đối với kết quả xem xét thẩm định và không có yêu cầu độc lập. Hiện nay căn hộ do Công ty Đ đang quản lý tài sản.

Tại phiên tòa ngày 26/8/2025, Công ty Đ xác định nguyên đơn Công ty M và V1 đã rút một phần yêu cầu khởi kiện có liên quan đến quyền lợi của Công ty Đ trong vụ án. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Công ty Đ không có ý kiến gì.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lý Thu T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà. Về nội dung: Tại phiên tòa ngày 26/8/2025, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty Cổ phần M (gọi tắt là Công ty M và Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) khởi kiện ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T có địa chỉ cư trú tại số C khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bị đơn là bà Lý Thu T có đơn yêu cầu vắng mặt. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) và ông Nguyễn Thế B và bà Lý Thu T đã ký kết các hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng cho vay số LN2302228436406 ngày 08/03/2023, số tiền cho vay là 1.878.094.582 đồng. Theo hợp đồng này ông B và bà T đã được giải ngân số tiền là 1.073.196.904 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 08/03/2023. Hợp đồng cho vay số LN2309080200750 ngày 15/09/2023, số tiền cho vay: 350.000.000 đồng. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/10/2021 với hạn mức 53.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã giao kết thì phương thức trả nợ vay là trả gốc và lãi hàng tháng. Từ ngày 08/11/2023, ông B và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký. Với các khoản nợ trên, ngày 30/09/2024, V1 đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng cho vay ký giữa V1 với ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2302228436406 ngày 08/3/2023; hợp đồng cho vay số LN2309080200750 ngày 15/9/2023. Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/10/2021.

Ngày 30/11/2024, V1 tiếp tục đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng cho vay ký giữa V1 với ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T. Căn cứ theo hợp đồng mua bán nợ số 08/2024/VPB-MARS ngày 30/9/2024 ký giữa bên bán nợ và bên mua nợ, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2302228436406 ngày 08/3/2023; Hợp đồng cho vay số LN2309080200750 ngày 15/9/2023. Vì vậy, căn cứ theo hợp đồng mua bán nợ số 14/2024/VPB-MARS ngày 30/11/2024 Công ty M và V1 đề nghị Tòa án xác định thay đổi yêu cầu với tỷ lệ tương ứng Công ty M (99%) và V1 (1%). Vì vậy, Công ty M và Ngân hàng V1 khởi kiện buộc ông B và bà T phải thanh toán nợ.

[3] Thực hiện các hợp đồng tín dụng V1 đã giải ngân cho ông B và bà T vay tổng số tiền 1.423.197.804 đồng và phát hành thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức sử dụng 53.000.000 đồng. Ông B, bà T phải trả tiền gốc và lãi hàng tháng theo các hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông B và bà T chỉ trả cho V1 tổng số tiền gốc và lãi là 162.223.828 đồng. Kể từ ngày 15/4/2024, ông B và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết. Xét thấy, việc ông B và bà T không trả nợ cho V1 theo đúng thời hạn là vi phạm thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Các hợp đồng cho vay số LN2302228436406 ngày 08/3/2023, hợp đồng cho vay số LN2309080200750 ngày 15/9/2023 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/10/2021 đã được V1 và ông B, bà T ký kết, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Ông B và bà T đã vi phạm nghĩa vụ của người vay nên phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là V1 đã bán nợ cho Công ty M, tổng số tiền nợ đã bán tương đương 99% số tiền gốc và lãi phát sinh theo các Hợp đồng cho vay số LN2302228436406 ngày 08/03/2023, hợp đồng cho vay số LN2309080200750 ngày 15/09/2023 và 100% số tiền gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/10/2021.

Xét thấy, việc mua bán nợ giữa V1 với Công ty M không làm thay đổi giá trị pháp lý và nghĩa vụ của các hợp đồng tín dụng đã ký giữa V1 với ông B, bà T. Phù hợp với Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty M và V1 là có căn cứ chấp nhận. Ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải thanh toán cho Công ty M và V1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là: 393.818.565 đồng (trong đó: Nợ gốc là 13.032.742 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 296.927.194 đồng, nợ thẻ tín dụng là 83.858.629 đồng), cụ thể:

+ Ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là: 390.718.966 đồng (trong đó: Nợ gốc: 12.902.415 đồng, nợ lãi và L1 chậm trả: 293.957.922 đồng, nợ thẻ tín dụng là 83.858.629 đồng);

+ Ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là: 3.099.599 đồng (trong đó: Nợ gốc là 130.327 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 2.969.272 đồng).

Ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[4] Tại phiên tòa ngày 26/8/2025, nguyên đơn Công ty M và V1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số dự nợ đã hoạch toán và không yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số LV2302228436406 ngày 08/3/2023 mà các bên đã ký kết và xác định lại yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Chi phí tố tụng khác: Công ty M và V1 đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) nên ông B, bà T phải có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty M và V1 số tiền này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Thế B và bà Lý Thu T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Nguyễn Thế B và bà Lý Thu T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là: 393.818.565đ (ba trăm chín mươi ba triệu tám trăm mười tám nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 13.032.742đ (mười ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng); nợ lãi và lãi chậm trả là 296.927.194đ (hai trăm chín mươi sáu triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bốn đồng); nợ thẻ tín dụng là 83.858.629đ (tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng), cụ thể:

+ Buộc ông Nguyễn Thế B và bà Lý Thu T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là: 390.718.966đ (ba trăm chín mươi triệu bảy trăm mười tám nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc là 12.902.415đ (mười hai triệu chín trăm linh hai nghìn bốn trăm mười lăm đồng), nợ lãi và lãi chậm trả là 293.957.922đ (hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi hai đồng); nợ thẻ tín dụng là 83.858.629đ (tám mươi ba triệu tám trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng).

+ Buộc ông Nguyễn Thế B và bà Lý Thu T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là: 3.099.599đ (ba triệu không trăm chín mươi chín nghìn năm trăm chín mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là 130.327đ (một trăm ba mươi nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi và lãi chậm trả là 2.969.272đ (hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

- Tiền lãi kể từ ngày 27/8/2025 trở đi được tiếp tục tính theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Nguyễn Thế B và bà Lý Thu T trả xong các khoản nợ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Nguyễn Thế B và bà Lý Thu T đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LV2302228436406 ngày 08/3/2023 và số tiền đã hạch toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải nộp 19.690.928đ (mười chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

- Trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền 27.611.422 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007647 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 3.833.834 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007648 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Thế B, bà Lý Thu T phải trả cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 16, TP.HCM;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân